



Phát triển nông nghiệp xanh

HƯỚNG ĐẾN MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG^(*)

■ **Lê Thị Hồng Dương**
Trưởng Chính trị Thành phố Đà Nẵng

Phát triển bền vững là xu thế tất yếu và là mục tiêu mà các quốc gia trên thế giới lựa chọn thực hiện. Để giúp các nước khu vực châu Á và Thái Bình Dương hiện thực hóa các mục tiêu phát triển bền vững, Ủy ban Kinh tế xã hội khu vực châu Á - Thái Bình Dương của Liên Hợp Quốc (UNESCAP), năm 2005, đã gọi mở xu hướng tăng trưởng xanh, nhằm tìm kiếm sự hòa hợp giữa tăng trưởng kinh tế và bền vững môi trường. Cùng với các quốc gia khác, Việt Nam khẩn trương tái cơ cấu kinh tế trong tất cả các ngành, lĩnh vực sản xuất, kinh doanh và đời sống xã hội, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế bền vững, khắc phục những khuyết điểm, những hạn chế đã nảy sinh trong quá trình phát triển, thích ứng với mô hình tăng trưởng xanh. Trong quá trình đó, tái cơ cấu ngành nông nghiệp để thúc đẩy tăng trưởng xanh trong nông nghiệp hay xây dựng một nền nông nghiệp xanh thân thiện với môi trường được coi là nhiệm vụ quan trọng. Bài viết này, đưa ra hệ thống tiêu chí đánh giá nông nghiệp xanh và qua đó gợi ý một số giải pháp nhằm phát triển nền nông nghiệp xanh, tiến tới mục tiêu phát triển bền vững.

1. Nông nghiệp xanh và nội dung phát triển nông nghiệp xanh

Theo Hans R. Herren trong cuốn *Báo cáo kinh tế xanh năm 2011 của UNEP*, thì nông nghiệp xanh là nền nông nghiệp trong đó việc tăng cường áp dụng những phương thức và kỹ thuật canh tác nhằm: Duy trì và tăng năng suất, lợi nhuận của các sản phẩm nông nghiệp trong khi vẫn đảm bảo việc cung cấp lương thực một cách bền vững; giảm thiểu những tác động tiêu cực và tạo ra những tác động có lợi cho môi trường; khôi phục các nguồn tài nguyên sinh thái bằng cách giảm thiểu sự ô nhiễm và sử dụng các nguồn tài nguyên hợp lý và hiệu quả hơn. Bên cạnh đó, người dân địa phương phải thích nghi với những kỹ thuật, phương thức canh tác nông nghiệp và có kiến thức cũng như hiểu biết của mình về những chứng chỉ, nhãn hiệu của thị trường như GAP (Good Agriculture Practices), sản phẩm sinh học hay sản phẩm hữu cơ, nông nghiệp sinh thái... và những kỹ thuật liên quan.

Đối với Việt Nam, thuật ngữ “nông nghiệp xanh” (Green Agriculture) là một khái niệm còn khá mới mẻ. Theo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam: Tăng trưởng xanh (Green Growth) trong nông nghiệp là tăng trưởng ngành nông nghiệp về kinh tế, xã hội và môi trường, hướng tới phục hồi và bảo tồn hệ sinh thái tự nhiên, giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu.

Như vậy, phát triển nông nghiệp xanh là quá trình phát triển hướng tới sự bền vững trong nông nghiệp, tăng trưởng nông nghiệp luôn gắn với bảo vệ môi trường, thông qua việc áp dụng các quy trình xanh hóa trong sản xuất, nhằm giảm phát thải khí nhà kính và giải quyết các vấn đề căn bản trong xã hội. Điều này có nghĩa, nông nghiệp xanh là một phương thức nhằm tiến tới một nền nông nghiệp bền vững chứ không phải thay thế cho phát triển bền vững nông nghiệp.

Phát triển nông nghiệp xanh tập trung vào một số nội dung chủ yếu sau: Phát triển nông nghiệp xanh nhằm giảm phát thải khí nhà kính, bảo vệ môi trường;

phát triển quy trình sản xuất xanh nhằm xanh hóa sản xuất trong nông nghiệp; phát triển công nghệ xanh nhằm xanh hóa sản xuất trong nông nghiệp; phát triển mô hình sản xuất nông nghiệp xanh.

2. Xây dựng hệ thống chỉ tiêu đánh giá phát triển nông nghiệp xanh

Xuất phát từ tình hình thực tiễn cũng như từ nội dung của phát triển nền nông nghiệp xanh, đi theo kinh nghiệm các nước OECD, các nghiên cứu của các tác giả TS. Bùi Đức Hùng, TS. Vũ Tuấn Anh... và Quyết định số 1393/TTg của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược tăng trưởng xanh quốc gia, giai đoạn 2011-2020 và tầm nhìn 2050, chúng tôi đã chọn 12 chỉ tiêu, tập trung vào 2 trong 3 mục tiêu chiến lược trọng tâm của tăng trưởng xanh, là 2 chỉ tiêu về giảm phát thải khí nhà kính, 8 chỉ tiêu về xanh hóa sản xuất và 2 chỉ tiêu nhằm giải quyết các vấn đề căn bản của xã hội. Luận chứng và mô tả từng chỉ tiêu đã chọn như sau:

2.1. Khí nhà kính do nông nghiệp phát ra

Sản xuất nông nghiệp không chỉ sử dụng tài nguyên làm đầu vào, mà còn gây áp lực lên môi trường như thải khí nhà kính vào môi trường không khí, góp phần làm thay đổi khí hậu. Quan hệ giữa nông nghiệp với biến đổi khí hậu rất phức tạp. Nông nghiệp không chỉ gây áp lực cho môi trường khí, mà còn hấp thụ khí nhà kính. Hiện nay, mức phát thải lớn hơn mức hấp thụ. Các loại khí nhà kính chủ yếu gồm khí Metan (CH_4), khí Nitơ Oxit (N_2O). Ngược lại, biến đổi khí hậu cũng tác động xấu đến nông nghiệp, ví dụ: nước biển dâng, đất bị ngập, nhiễm mặn.

2.2. Tỷ lệ chất thải rắn thu gom, đã xử lý đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng

Sản xuất nông nghiệp không chỉ sử dụng tài nguyên làm đầu vào, mà còn gây áp lực lên môi trường như việc các chất thải của ngành nếu không được thu gom, xử lý mà vứt bừa bãi hoặc đốt, chôn lấp sẽ làm ô nhiễm môi trường rất lớn, góp phần làm thay đổi khí hậu. Quan hệ giữa nông nghiệp với biến đổi khí hậu rất phức tạp. Hiện nay, lượng chất thải rắn do ngành nông nghiệp thải ra lớn và chưa được xử lý bằng các phương pháp thích hợp.

Chất thải rắn gồm bao bì thuốc bảo vệ thực vật, bao bì phân bón, rơm rạ và chất thải rắn từ chăn nuôi. Đây là chỉ tiêu phản ánh mức độ thu gom, xử lý các chất thải tại các đồng ruộng. Để bảo vệ môi trường tại các đồng ruộng, các chất thải cần phải xử lý triệt để, phấn đấu để đạt được tỷ lệ xử lý các chất thải rắn, nước thải tại các cánh đồng ở mức trên 90%. Công thức tính: Tỷ lệ chất thải rắn thu gom, được xử lý (%) = Chất rắn thu gom, được xử lý (tấn)/Tổng chất thải rắn (tấn).

2.3. Tốc độ tăng năng suất các yếu tố tổng hợp trong nông nghiệp (gọi tắt là năng suất tổng hợp), đơn vị tính bằng %

Chỉ tiêu phản ánh tỷ lệ đóng góp năng suất các nhân tố tổng hợp vào tốc độ tăng trưởng chung của kinh tế nông nghiệp, đồng thời phản ánh chất lượng tăng trưởng của kinh tế nông nghiệp. Công thức tính: Tỷ trọng đóng góp của TFP (%) = Tốc độ tăng GDP do TFP đóng góp (GA)/Tốc độ tăng GDP (GY) x 100.

2.4. Thuốc bảo vệ thực vật tính trên 1ha gieo trồng cây hàng năm (gọi tắt là thuốc bảo vệ thực vật/ha), đơn vị tính: kg/ha.

Nhằm cung cấp thông tin cho các cơ quan quản lý về kinh doanh và sử dụng thuốc bảo vệ thực vật. Sử dụng thuốc bảo vệ thực vật phải có chừng mực, không được lạm dụng. Bởi vì, nếu dùng thuốc có phổ rộng, dùng quá liều, dùng đi dùng lại nhiều lần sẽ có tác dụng ngược lại, làm bùng phát dịch hại, ô nhiễm môi trường, độc hại cho nông sản.

2.5. Phân đạm, lân và phân hỗn hợp NPK (nitơ, photpho, kali) tính bình quân diện tích gieo trồng cây hàng năm (gọi tắt: phân NPK/ha), đơn vị tính: kg/ha.



Sử dụng phân bón hợp lý, hạn chế thuốc bảo vệ thực vật

Sử dụng thuốc, phân bón hóa học phải có chừng mực, nếu dư thừa, thì sẽ tác dụng ngược lại, năng suất giảm, và tăng ô nhiễm môi trường nước, không khí. Phân đạm là tên gọi chung của các loại phân bón vô cơ cung cấp nitơ (đạm) cho cây. Phân lân là tên gọi chung của các loại phân bón vô cơ cung cấp photpho (lân) cho cây. Vì vậy, phải tính hết các loại phân đạm, phân lân và cả phân NPK, sau đó chia cho diện tích gieo trồng cây hằng năm và một số cây trồng lâu năm như cà phê, cao su, hồ tiêu.

2.6. Biến động diện tích đất

Chỉ tiêu phản ánh sự thay đổi về diện tích đất theo loại đất nhằm theo dõi biến động tăng, giảm hằng năm của các loại đất nông nghiệp, phi nông nghiệp, đất chưa sử dụng của các đối tượng sử dụng và đối tượng quản lý đất. Chỉ tiêu này nhằm giúp công tác hoạch định chính sách, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch sản xuất phù hợp với tình hình thực tế. Biến động diện tích đất là sự chênh lệch diện tích từng loại đất trên địa bàn do chuyển mục đích sử dụng đất giữa kỳ nghiên cứu và kỳ gốc, với khoảng cách giữa hai kỳ thường là 1 năm, 5 năm hoặc 10 năm. Công thức tính: Diện tích đất tăng giảm = Diện tích đất của năm nghiên cứu - Diện tích đất của năm chọn làm gốc so sánh (Nguồn: Bộ Kế hoạch và Đầu tư, 2011).

2.7. Tỷ lệ diện tích gieo trồng cây hằng năm được tưới, tiêu, đơn vị tính: %

Chỉ tiêu phản ánh năng lực tưới, tiêu của các công trình thủy lợi cũng như hiệu quả đầu tư cho công tác tưới, tiêu; là một trong những căn cứ quan trọng để xây dựng quy hoạch, kế hoạch phát triển thủy lợi nói riêng và phát triển nông nghiệp nói chung của từng vùng, miền, địa phương cũng như của cả nước. Công thức tính: Tỷ lệ diện tích gieo trồng cây hằng năm được tưới, tiêu (%) = Diện tích gieo trồng cây hằng năm được tưới, tiêu (ha) / Tổng diện tích gieo trồng cây hằng năm (ha) (Nguồn: Bộ Kế hoạch và Đầu tư, 2011).

2.8. Mức tiêu hao năng lượng trên GDP nông nghiệp, đơn vị tính kg, TOE/triệu đồng (hoặc đồng/triệu đồng GDP nông nghiệp).

TOE là tấn năng lượng quy đổi ra tương đương dầu. Chỉ tiêu kinh tế phản ánh mức tiêu hao năng lượng cho sản xuất để tạo ra tổng sản phẩm nông nghiệp (GDP), qua đó đánh giá được hiệu quả sử dụng năng lượng trong hoạt động sản xuất, giảm giá thành sản phẩm và nâng cao sức cạnh tranh của kinh tế nông nghiệp.

Công thức tính: Mức tiêu hao năng lượng cho sản xuất so với GDP nông nghiệp = Mức tiêu hao năng lượng cho sản xuất / GDP nông nghiệp.

2.9. Việc làm xanh được tạo ra trong tổng số việc làm nông nghiệp

Việc làm xanh sẽ dựa trên cơ sở tổng số lao động tham gia vào sản xuất xanh và được tính bằng tổng số việc làm ngành nông nghiệp trừ đi số việc làm trong nông nghiệp truyền thống.

2.10. Tỷ trọng sản phẩm xanh trong tổng sản phẩm nông nghiệp

Sản phẩm xanh được sản xuất ra với quy trình sản xuất sạch và theo tiêu chuẩn xanh (VietGAP, Global GAP...), sản phẩm xanh mang lại sự an toàn cho người dùng. Sản phẩm nông nghiệp xanh rất đa dạng như: lúa, rau, thủy hải sản, gia cầm, gia súc, chè, tiêu... Tỷ trọng sản phẩm xanh trong tổng sản phẩm nông nghiệp (%) = Sản phẩm xanh được sản xuất (tấn) / Tổng sản phẩm nông nghiệp (tấn).

2.11. Thu nhập bình quân lao động nông nghiệp

Thu nhập lao động nông nghiệp là các khoản mà người lao động nhận được do sự

tham gia của họ vào quá trình sản xuất nông nghiệp. Thu nhập lao động nông nghiệp phản ánh kết quả sản xuất nông nghiệp của các hộ nông dân, đồng thời cũng là chỉ tiêu phản ánh tình hình phân phối thu nhập trong xã hội, mức độ hài hòa lợi ích giữa giá trị sức lao động với thu nhập của người lao động. Được tính bằng tỷ lệ giữa tổng thu nhập của lao động nông nghiệp trên tổng số lao động nông nghiệp. Phát triển nông nghiệp xanh không chỉ mang lại lợi ích cho người lao động mà còn phải cải thiện, nâng cao thu nhập đối với lao động.

2.12. Nhận thức về tiêu dùng sản phẩm sạch, an toàn sức khỏe

Một khi hình thành được nhận thức về sản phẩm sạch, an toàn sức khỏe là vấn đề quan trọng thì người nông dân sẽ không lạm dụng các loại thuốc bảo vệ thực vật, các phân bón vô cơ... tạo ra được quá trình sản xuất sạch, sản xuất an toàn và sản phẩm sẽ không dư lượng hóa chất gây nguy hiểm cho người tiêu dùng. Đối với người tiêu dùng, sẽ xây dựng được lối sống xanh trong tiêu dùng xanh hằng ngày.

Hệ thống chỉ tiêu đánh giá phát triển nông nghiệp xanh trên đã đáp ứng về cơ bản yêu cầu phát triển nông nghiệp theo hướng xanh. Hệ thống chỉ tiêu này có thể sử dụng để đánh giá quá trình phát triển nông nghiệp

xanh, tuy nhiên thực tiễn luôn vận động, phát triển, do đó cũng cần phải có các nghiên cứu tiếp theo để bổ sung, cập nhật và hoàn chỉnh.

3. Một số gợi ý giải pháp nhằm phát triển nền nông nghiệp xanh tại Việt Nam trong thời gian tới

3.1. Nhóm giải pháp về thiết lập khuôn khổ pháp lý, hoàn thiện chính sách, quản lý Nhà nước của chính quyền địa phương về phát triển nông nghiệp xanh

Để nền nông nghiệp xanh phát triển, cần sắp xếp lại cơ cấu tổ chức và nâng cao năng lực lãnh đạo của cơ quan quản lý ngành nông nghiệp của tất cả các địa phương.

Trong đó, chú trọng các vấn đề: Tăng cường vai trò của Nhà nước về quản lý giám sát, đánh giá, hỗ trợ đối với thực hành nông nghiệp xanh; Xây dựng và hoàn thiện quy hoạch phát triển nông nghiệp xanh ở tất cả các địa phương trên cả nước; Hoàn thiện chính



Người tiêu dùng ngày càng hướng tới lối sống xanh, các sản phẩm sạch, an toàn sức khỏe

sách thúc đẩy nhiệm vụ giảm lượng khí thải nhà kính trong phát triển nông nghiệp; Cụ thể hóa chính sách thúc đẩy nhiệm vụ khai thác, sử dụng hợp lý, bảo tồn nguồn tài nguyên, chống ô nhiễm môi trường và môi sinh; Thực hiện có hiệu quả chính sách về bảo hiểm trong nông nghiệp; Chính sách đất đai cần được thực hiện nghiêm túc và hiệu quả; Chính sách huy động vốn, tín dụng cần thực hiện có hiệu quả và đi vào thực tiễn.

3.2. Nhóm giải pháp về tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức về nông nghiệp xanh

Đẩy mạnh truyền thông, thông tin tuyên truyền về phát triển nông nghiệp xanh, nâng cao nhận thức, ý thức về kinh tế xanh. Cần tuyên truyền có nội dung phù hợp với từng đối tượng là người tiêu dùng và người sản xuất nhằm hình thành, nâng cao thói quen tiêu dùng xanh cho người dân và nâng cao ý thức trách nhiệm của người sản xuất với cộng đồng, xã hội.

3.3. Nhóm giải pháp về thực hiện xanh hóa sản xuất trong nông nghiệp, giảm lượng khí thải nhà kính

Để thực hiện được việc xanh hóa trong nông nghiệp, hạn chế việc thải khí nhà kính vào môi trường, cần ứng dụng khoa học, công nghệ, tăng hiệu quả của sản xuất nông sản sạch và bảo vệ môi trường sinh thái, ngoài ra cần phát triển cơ sở hạ tầng nông nghiệp, nông thôn. Chú trọng tổ chức thực hiện sản xuất nhằm giảm lượng khí thải nhà kính.

3.4. Nhóm giải pháp tổ chức liên kết phát triển chuỗi giá trị gắn với kiểm soát các yếu tố đầu vào, đầu ra của sản xuất nông nghiệp xanh

Xây dựng chuỗi giá trị là một quá trình phức tạp, mang tính phối hợp cao qua nhiều khâu với nhiều chủ thể tham gia. Từ trang trại đến cộng đồng, cảnh quan và giá trị nông sản. Vì thế, cần thực hiện tốt các khâu từ kiểm soát các yếu tố đầu vào sản xuất đến phân phối, tiêu thụ. Ngoài ra, để đưa được chuỗi nông sản sạch được thực hiện xuyên suốt và hiệu quả, cần nâng cao trách nhiệm của chính quyền địa phương, hợp tác xã, hộ nông dân sản xuất và nhà khoa học.

Phát triển nông nghiệp xanh là xu hướng phát triển tất yếu và là một yêu cầu bức thiết hiện nay, khi mà nhân loại chúng ta đang chứng kiến sự ô nhiễm môi trường nghiêm trọng do các hoạt động của con người gây ra với nhiều ngành, nghề khác nhau, trong đó hoạt động sản xuất của ngành nông nghiệp đang phát thải khí nhà kính rất lớn. Để làm được điều này, cần sự đồng thuận và nghiêm túc thực hiện của tất cả các cơ quan chức năng và người sản xuất nông nghiệp - chủ thể của quá trình này./.

(*) Bài viết đã được báo cáo tại Hội thảo Khoa học “Vai trò của cơ sở giáo dục và doanh nghiệp trong việc thực hiện mục tiêu phát triển bền vững” tổ chức tháng 8/2023

Tài liệu tham khảo:

1. Vũ Tuấn Anh (2015), *Tiến tới nền kinh tế xanh ở Việt Nam - Xanh hóa sản xuất*, Nxb Khoa học xã hội.
2. Lê Thị Hồng Dương (2021), *Phát triển nông nghiệp xanh tại tỉnh Quảng Nam*, Nxb Đại học Huế.
3. Bùi Đức Hùng và cộng sự (2016), *Mô hình tăng trưởng hướng tới tăng trưởng xanh ở vùng Nam Trung Bộ hiện nay*, Nxb Khoa học xã hội.
4. Thủ tướng Chính phủ (2012), Quyết định số 1393/QĐ-TTg, phê duyệt Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh thời kỳ 2011- 2020 và tầm nhìn đến năm 2050, Hà Nội.
5. Thủ tướng Chính phủ (2013), Quyết định số 899/QĐ-TTg, phê duyệt Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững, Hà Nội.
6. Thủ tướng Chính phủ (2014), Quyết định số 403/QĐ-TTg, phê duyệt Kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2014-2020, Hà Nội.
7. Thủ tướng Chính phủ, Chương trình hành động Quốc gia về sản xuất và tiêu dùng bền vững đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.